

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định giá dịch vụ trông giữ xe
trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức giá dịch vụ cụ thể trông giữ xe tại các điểm, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức giá dịch vụ tối đa trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe và các chủ phương tiện có nhu cầu gửi xe tại các điểm, bãi trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Mức giá dịch vụ cụ thể trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Quy định mức giá dịch vụ cụ thể về trông giữ xe các loại đối với các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, cụ thể như sau:

a) Giá dịch vụ cụ thể về trông giữ xe các loại đối với các điểm trông giữ xe tại các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, khu du lịch, điểm du lịch:

S T T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ	
			Địa bàn thành phố Phan Thiết	Địa bàn thị xã La Gi và các huyện (trừ huyện Phú Quý)
I	Giá thu theo lượt			
1	Thời gian (từ 06 giờ - 22 giờ)			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	3.000	2.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	5.000	4.000
c	Ô tô các loại			
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	15.000	12.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	25.000	22.000
2	Thời gian (từ sau 22 giờ - 06 giờ sáng ngày hôm sau)			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	6.000	5.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	10.000	9.000
c	Ô tô các loại			
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	30.000	22.000

	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	50.000	45.000
3	Cả ngày và đêm			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	9.000	7.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	15.000	13.000
c	Ô tô các loại			
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	45.000	35.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	75.000	65.000
II	Giá thu theo tháng			
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	135.000	100.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/tháng	270.000	200.000
3	Ô tô các loại			
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/tháng	750.000	600.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/tháng	1.000.000	900.000

b) Giá dịch vụ cụ thể về trông giữ xe các loại tại các cơ sở giáo dục, chợ, khu chung cư như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ	
			Địa bàn thành phố Phan Thiết	Địa bàn thị xã La Gi và các huyện (trừ huyện Phú Quý)
I	Giá thu theo lượt			
1	Thời gian (từ 06 giờ - 22 giờ)			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000	2.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	4.000	3.000

c	Ô tô các loại		12.000	11.000
2	Thời gian (từ sau 22 giờ - 06 giờ sáng ngày hôm sau)			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	4.000	3.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	8.000	6.000
c	Ô tô các loại		30.000	23.000
3	Cả ngày và đêm			
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	6.000	5.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	12.000	10.000
c	Ô tô các loại		45.000	40.000
II	Giá thu theo tháng			
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	40.000	35.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/tháng	75.000	65.000
3	Ô tô các loại			
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/tháng	600.000	500.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/tháng	750.000	650.000

c) Giá dịch vụ cụ thể về trông giữ xe các loại tại các tổ chức y tế (áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Giá thu theo lượt		
1	Thời gian (từ 06 giờ - 22 giờ)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	1.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	2.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	10.000
2	Thời gian (từ sau 22 giờ - 06 giờ sáng ngày hôm sau)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	4.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	20.000

3	Cả ngày và đêm		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	3.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	6.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	30.000
II	Giá thu theo tháng		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	25.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/tháng	50.000
3	Ô tô các loại		
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/tháng	400.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên.	Đồng/xe/tháng	500.000

d) Giá dịch vụ cụ thể về trông giữ xe các loại tại các kho, bãi của các đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện giao thông của người vi phạm pháp luật (áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh).

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/ngày đêm	2.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/ngày đêm	5.000
3	Xe ô tô các loại		
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 2,5 tấn	Đồng/xe/ngày đêm	15.000
-	Xe ô tô từ 16 đến 30 chỗ, xe tải từ 2,5 đến 6 tấn	Đồng/xe/ngày đêm	20.000
-	Xe ô tô trên 30 chỗ, xe tải trên 6 tấn	Đồng/xe/ngày đêm	30.000
-	Các loại xe tương tự xe ô tô, xe chuyên dùng, máy cày, máy kéo	Đồng/xe/ngày đêm	20.000

2. Giá dịch vụ cụ thể tại các điểm trông giữ xe các loại được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thực hiện hoạt động trông giữ xe được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện thu với mức giá dịch vụ cụ thể theo quy định tại Điều 2 Quyết định này; thực hiện quản lý, sử dụng tiền thu dịch vụ theo quy định hiện hành.

4. Trường hợp cơ quan, đơn vị thu tiền dịch vụ trông giữ xe các loại hoặc đơn vị quyết định tạm giữ phương tiện giao thông vi phạm pháp luật nếu tổ chức đấu thầu giao cho các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về trông

giữ xe thì đơn vị trúng thầu không được thu vượt mức giá dịch vụ cụ thể theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

5. Đối với các cơ quan hành chính nhà nước như: Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành,... trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc. Không thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).

Điều 3. Mức giá dịch vụ tối đa trông giữ xe tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

1. Quy định mức giá dịch vụ tối đa về trông giữ xe các loại tại các điểm trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, cụ thể như sau:

a) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe các loại tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, khu du lịch như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
I	Giá thu theo lượt		
1	Thời gian (từ 06 giờ - 22 giờ)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	3.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	5.000
c	Ô tô các loại		
-	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	15.000
-	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	25.000
2	Thời gian (từ sau 22 giờ - 06 giờ sáng ngày hôm sau)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	6.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	10.000
c	Ô tô các loại		
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	30.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	50.000

3	Cả ngày và đêm		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	9.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	15.000
c	Ô tô các loại		
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/lượt	45.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	75.000
II	Giá thu theo tháng		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	135.000
2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/tháng	270.000
3	Ô tô các loại		
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/tháng	750.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên.	Đồng/xe/tháng	1.000.000

b) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe các loại tại các tổ chức y tế, cơ sở giáo dục, chợ, khu chung cư và các điểm khác:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
I	Giá thu theo lượt		
1	Thời gian (từ 06 giờ - 22 giờ)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	4.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	12.000
2	Thời gian (từ sau 22 giờ - 06 giờ sáng ngày hôm sau)		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	4.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	8.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	30.000
3	Cả ngày và đêm		
a	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	6.000
b	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/lượt	12.000
c	Ô tô các loại	Đồng/xe/lượt	45.000
II	Giá thu theo tháng		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	40.000

2	Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy	Đồng/xe/tháng	75.000
3	Ô tô các loại		
	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/xe/tháng	600.000
	Xe ô tô chở người từ 12 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên.	Đồng/xe/tháng	750.000

2. Giá tối đa đối với các dịch vụ trông giữ xe các loại được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thực hiện hoạt động trông giữ xe được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tự quyết định giá dịch vụ, nhưng không được vượt mức giá dịch vụ tối đa theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn thực hiện kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

2. Giao cho cơ quan tài chính các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn.

3. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý hoạt động trông giữ xe theo địa bàn quản lý; kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn giám sát việc thực hiện mức giá dịch vụ trông giữ xe và thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về giá và quản lý dịch vụ trông giữ xe sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2018.

2. Bãi bỏ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và ủy viên UBND tỉnh;
- Mặt trận và đoàn thể;
- Như Điều 6;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, ĐTQH, KGVX, NC, TTTT;
- Lưu: VT, TH Hùng (b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai